

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận;

2. Bà Phạm Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Ông Tô Thành Đ, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Giữa bà L với ông Tô Thành Đ do cha mẹ hai bên định đoạt, hai người làm đám cưới vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ xa vào cờ bạc như đá gà, đánh bài, tài xỉu, không lo làm ăn, bỏ mặc vợ

con, nợ nần nhiều nên bà L phải bỏ nhà đi làm thuê trả nợ, từ đó xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tô Thành Đ.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa bà L với ông Đ có 05 đứa con chung tên Tô Thị Thúy U, sinh ngày 07/01/1992, Tô Thị Thanh T, sinh ngày 01/5/1994, Tô Thị Mỹ H, sinh ngày 03/11/1996, Tô Thị Lan Th, sinh ngày 13/7/1999 và Tô Thành P, sinh ngày 11/9/2002. Hiện các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Tô Thành Đ trình bày:

Về hôn nhân: Giữa ông Đ với bà Huỳnh Thị Ngọc L do cha mẹ hai bên định đoạt, hai người làm đám cưới vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã T, tỉnh An Giang, nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Huỳnh Thị Ngọc L gây ra nợ nần nhiều nên bà L bỏ nhà đi làm thuê trả nợ, từ đó xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Ông Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc. Ông Đ đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc L.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung giữa ông Đ với bà L có 05 đứa con chung tên Tô Thị Thúy U, sinh ngày 07/01/1992, Tô Thị Thanh T, sinh ngày 01/5/1994, Tô Thị Mỹ H, sinh ngày 03/11/1996, Tô Thị Lan Th, sinh ngày 13/7/1999 và Tô Thành P, sinh ngày 11/9/2002. Hiện các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành do không có đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 04/01/2023 của tư pháp xã P.

Tại phiên tòa, bà L và ông Đ không cung cấp thêm chứng cứ.

Bà L và ông Đ khẳng định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, không cung cấp gì thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa

đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Ngọc L với ông Tô Thành Đ không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2016 giữa bà L với ông Đ có phát sinh mâu thuẫn. Bà L với ông Đ đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị không công nhận giữa bà L với ông Đ là vợ chồng.

Về con chung: Đều đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị Ngọc L khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” với ông Tô Thành Đ, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ngọc L với ông Tô Thành Đ tự tìm hiểu yêu thương, được cha, mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ chơi cờ, bạc bỏ mặt không quan tâm đến vợ con. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc, yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Ông Tô Thành Đ thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sống không có hạnh phúc. Đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Thị Ngọc L.

Bà Huỳnh Thị Ngọc L với ông Tô Thành Đ đều thừa nhận có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T, tỉnh An Giang nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã mất.

Theo giấy chứng nhận kết hôn không số, bản photo, ngày 05/01/1991 do UBND xã P cấp cho bà Huỳnh Thị Ngọc L và ông Tô Thành Đ

Theo biên bản xác minh ngày 04/01/2023 của ông Dương Quốc Cường là cán bộ hộ tịch, hộ khẩu, tư pháp xã P cung cấp thông tin: Qua tra cứu hồ sơ lưu

trữ tại cơ quan không tìm thấy sổ đăng ký kết hôn giữa bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1970 với ông Tô Thành Đ, sinh năm 1971, cư trú: Tổ 13, ấp Vĩnh Lợi 1, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang. Ngoài ra bà L và ông Đ không cung cấp được giấy chứng có đăng ký kết hôn.

Xét thấy yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông Đ, ông Đ đồng ý ly hôn. Nhưng do 02 người không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng.

Như vậy cho thấy giữa bà Huỳnh Thị Ngọc L với ông Tô Thành Đ, hai người sống chung với nhau vào năm 1991, khi đó cả hai người đều đã đến tuổi đăng ký kết hôn. Nhưng giữa bà L với ông Đ không thực hiện nghĩa vụ đi đăng ký kết hôn, nên quan hệ giữa bà L với ông Đ không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX nên tuyên không công nhận giữa bà L với ông Đ là vợ chồng, phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc L với ông Tô Thành Đ có với nhau 05 người con chung tên Tô Thị Thúy U, sinh ngày 07/01/1992, Tô Thị Thanh T, sinh ngày 01/5/1994, Tô Thị Mỹ H, sinh ngày 03/11/1996, Tô Thị Lan Th, sinh ngày 13/7/1999 và Tô Thành P, sinh ngày 11/9/2002. Hiện các con đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc L với ông Tô Thành Đ thống nhất, không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà L được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006944, ngày 01.11.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Tô Thành Đ không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận giữa bà Huỳnh Thị Ngọc L với ông Tô Thành Đ là vợ chồng.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc L với ông Tô Thành Đ có với nhau 05 người con chung tên Tô Thị Thúy U, sinh ngày 07/01/1992, Tô Thị Thanh T, sinh ngày 01/5/1994, Tô Thị Mỹ H, sinh ngày 03/11/1996, Tô Thị Lan Th, sinh

ngày 13/7/1999 và Tô Thành P, sinh ngày 11/9/2002. Hiện các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc L với ông Tô Thành Đ thống nhất, không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà L được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006944, ngày 01.11.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Ông Tô Thành Đ không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh